

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST.

Ngày 11 - 02 - 2026.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Từ Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị N.A, sinh ngày 23/01/1999; số CCCD: 035199003686; địa chỉ: thôn TT, xã LH, tỉnh Ninh Bình.

*** Bị đơn:** Anh Phạm Nguyễn Phương N, sinh ngày 28/02/1999; số CCCD: 035099003147; địa chỉ: tổ 4, phường CS, tỉnh Ninh Bình.

(Phiên tòa vắng mặt chị N.A và anh N đều có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị N.A và anh Phạm Nguyễn Phương N có đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện vì hai bên có thời gian tìm hiểu nhau khoảng gần 01 năm và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chung sống hoà thuận đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp về quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã và không thể tìm được tiếng nói chung

nữa. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên chấm dứt quan hệ vợ chồng và không quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau nữa. Đến nay, cả chị N.A và anh N đều xác định tình cảm dành cho nhau không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã rất trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vậy, chị N.A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N, còn anh N cũng hoàn toàn nhất trí thuận tình ly hôn với chị N.A.

- Về con chung, con riêng, con nuôi: Vợ chồng thống nhất không có nên anh chị không đề nghị giải quyết. Hiện nay chị N.A không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của đại diện Ủy ban nhân dân phường Châu Sơn: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng chị N.A, anh N theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Chị N.A và anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm tại bản tự khai đã trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 147; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N.A.

- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N.A và anh Phạm Nguyễn Phương N.

- Về án phí ly hôn: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phạm Nguyễn Phương N có nơi thường trú tại địa chỉ: tổ 4, phường CS, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Ly hôn” giữa chị Vũ Thị N.A và anh Phạm Nguyễn Phương N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị N.A và bị đơn anh Phạm Nguyễn Phương N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt của chị N.A và anh N tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại các Điều 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị N.A và anh Phạm Nguyễn Phương N lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình) là hoàn toàn tự nguyện nên đã thỏa mãn với điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị N.A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị cũng có thời gian chung sống hòa thuận nhưng sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên không còn hợp nhau về quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Quá trình sống ly thân mỗi người ở một nơi nên tình cảm anh chị dành cho nhau không còn nữa. Vì vậy, chị N.A xin ly hôn anh N hoàn toàn nhất trí. Điều đó, chứng tỏ vợ chồng anh chị đều không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau nữa. Xét thấy, hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích

hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết phù hợp với thực tế và pháp luật nên cần chấp nhận sự tự nguyện ly hôn của cả hai bên theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, con riêng, con nuôi: Chị N.A và anh N thống nhất không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N.A và anh N thống nhất không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị N.A và anh N phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N.A nộp toàn bộ án phí, nộp cả cho anh N.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị N.A, anh N thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-NĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N.A và anh Phạm Nguyễn Phương N.

[2] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị N.A và anh Phạm Nguyễn Phương N mỗi người phải nộp 75.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị N.A nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ, được đối trừ với 300.000đ mà chị N.A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002482 ngày 03/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Vũ Thị N.A được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Về quyền kháng cáo: Chị N.A và anh N đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH ngày 19/02/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên